

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH NINH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /NQ-HĐND

Ninh Thuận, ngày tháng 7 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

Đẩy mạnh công tác cải cách hành chính trên địa bàn tỉnh đến năm 2025

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN
KHÓA XI KỲ HỌP THỨ 7**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Thực hiện Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030;

Thực hiện Chỉ thị số 23/CT-TTg ngày 02 tháng 9 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về đẩy mạnh thực hiện Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030;

Thực hiện Quyết định 468/QĐ-TTg ngày 27 tháng 3 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án đổi mới việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Thực hiện Nghị quyết số 05/NQ-TU ngày 28 tháng 9 năm 2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Ninh Thuận về đẩy mạnh công tác cải cách hành chính trên địa bàn tỉnh đến năm 2025;

Xét Tờ trình số 75/TTr-UBND ngày 11 tháng 5 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua Nghị quyết đẩy mạnh công tác cải cách hành chính trên địa bàn tỉnh đến năm 2025; Báo cáo thẩm tra của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Mục tiêu và chỉ tiêu đến năm 2025

1. Mục tiêu

Tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính đồng bộ trên các lĩnh vực trong các cơ quan hành chính Nhà nước; nâng cao chất lượng, hiệu lực, hiệu quả hoạt động của các cơ quan, tổ chức hành chính Nhà nước; đảm bảo gắn kết, đồng bộ với việc triển khai của các cơ quan khối Đảng, Mặt trận, đoàn thể trong hệ thống chính trị; xây

dụng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có đủ phẩm chất, năng lực, trình độ theo vị trí việc làm, uy tín đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, phù hợp với yêu cầu hội nhập quốc tế; tạo nên sức mạnh tổng hợp để góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIV, nhiệm kỳ 2020-2025.

2. Chỉ tiêu đến năm 2025

2.1. Chỉ số cải cách hành chính của tỉnh (PAR INDEX) thuộc nhóm tỉnh loại tốt (đạt từ 80 điểm trở lên/100 điểm tối đa); nằm trong nhóm 20 tỉnh, thành phố.

2.2. Chỉ số hiệu quả Quản trị và Hành chính công của tỉnh (PAPI) thuộc nhóm tỉnh loại khá; nằm trong nhóm 20 tỉnh, thành phố.

2.3. Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) nằm trong nhóm 15 tỉnh, thành phố xếp hạng cao của cả nước.

2.4. Chỉ số mức độ hài lòng của nền hành chính (SIPAS) đạt từ 90% trở lên; nằm trong nhóm 25 tỉnh, thành phố.

2.5. Tỷ lệ hài lòng của người dân đối với Chính quyền số là 95%; Chỉ số Chuyển đổi số (DTI) phân đầu trong nhóm 15 tỉnh, thành phố.

2.6. Chỉ số sẵn sàng cho phát triển và ứng dụng công nghệ thông tin (ICT) tiếp tục duy trì trong nhóm 10 tỉnh, thành phố.

2.7. 100% các văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp ban hành đảm bảo đúng quy định pháp luật, chất lượng, khả thi.

2.8. Đơn giản hóa (*rút ngắn thời gian giải quyết; tinh gọn hồ sơ; bãi bỏ; áp dụng cơ chế liên thông;...*) ít nhất 20% thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của các cấp chính quyền trên địa bàn tỉnh.

2.9. 100% thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp huyện, cấp xã được tiếp nhận và trả kết quả ở bộ phận một cửa theo quy định.

2.10. Đến năm 2025 ít nhất 80% hồ sơ luân chuyển nội bộ các cơ quan nhà nước được thực hiện theo phương thức điện tử; ít nhất 80% hồ sơ có yêu cầu thanh toán tài chính được triển khai thanh toán trực tuyến, trong đó ít nhất 30% phát sinh giao dịch trực tuyến.

2.11. Tỷ lệ hồ sơ giải quyết qua dịch vụ bưu chính công ích tăng bình quân từ 5%/năm trở lên so với năm 2020.

2.12. 100% cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập xây dựng, rà soát, hoàn thiện, được phê duyệt Đề án vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức, viên chức theo quy định.

2.13. Giảm ít nhất 10% đơn vị sự nghiệp công lập và 10% số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước so với năm 2021.

2.14. Số lượng đơn vị sự nghiệp tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư hoặc tự đảm bảo chi thường xuyên chiếm từ 20% trở lên tổng số đơn vị sự nghiệp trên địa bàn tỉnh.

2.15. 100% người dân, doanh nghiệp có sử dụng dịch vụ công trực tuyến được cấp định danh và xác thực điện tử thông suốt.

2.16. 90% hồ sơ cấp tỉnh, 80% hồ sơ cấp huyện và 60% hồ sơ cấp xã được xử lý trên môi trường mạng (*trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước*).

Điều 2. Nội dung

1. Công tác chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính

1.1. Tăng cường vai trò của người đứng đầu trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo đối với công tác cải cách hành chính, thường xuyên kiểm tra, giám sát việc tổ chức thực hiện của các cơ quan, địa phương, đơn vị. Thực hiện kiểm tra đột xuất về kết quả giải quyết thủ tục hành chính ít nhất 03 cuộc/năm tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của các cơ quan, đơn vị, địa phương.

1.2. Chỉ đạo cụ thể hóa các nhiệm vụ trên các trục nội dung cải cách hành chính (*cải cách thể chế; cải cách thủ tục hành chính; cải cách tổ chức bộ máy; cải cách chế độ công vụ; cải cách tài chính công và Xây dựng, phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số*) phải được tiến hành đồng bộ, thống nhất, có trọng tâm, trọng điểm, đi vào chiều sâu, thiết thực, hiệu quả và mang tính bền vững. Xác lập, giao nhiệm vụ gắn với đánh giá cán bộ, đánh giá năng lực điều hành lãnh đạo, kể cả đánh giá năng lực cạnh tranh của các Sở, ban, ngành, địa phương (Bộ Chỉ số DDCI); tập trung chỉ đạo nâng cao các chỉ số thành phần còn thấp (PAPI, PAR INDEX, PCI, SIPAS); trên cơ sở đó, định kỳ đánh giá kết quả thực hiện và xem đây là một nhiệm vụ chính trị trọng tâm, xuyên suốt của các địa phương, đơn vị. Chủ tịch UBND các cấp chịu trách nhiệm trực tiếp về kết quả thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính của địa phương, đơn vị mình.

2. Cải cách thể chế

Tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác xây dựng, thẩm định và ban hành văn bản quy phạm pháp luật, bảo đảm sự cần thiết, tính hợp lý, hợp pháp, tính khả thi, công khai, minh bạch, ổn định, dễ tiếp cận. Thường xuyên kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật; kiến nghị sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới các văn bản đáp ứng yêu cầu công tác quản lý nhà nước.

3. Cải cách thủ tục hành chính

3.1. Cải cách quyết liệt, đồng bộ, hiệu quả quy định thủ tục hành chính liên quan đến người dân, doanh nghiệp; thủ tục hành chính trong nội bộ các cơ quan nhà nước, tổ chức sự nghiệp công lập, dịch vụ công và các thủ tục hành chính liên thông giữa các cơ quan hành chính nhà nước các cấp; rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa quy trình giải quyết thủ tục hành chính trên cơ sở ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin; đổi mới và nâng cao hiệu quả thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính. Đẩy mạnh thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử để người dân, doanh nghiệp có thể thực hiện dịch vụ mọi lúc, mọi nơi trên phương tiện khác nhau.

3.2. Tăng cường công tác kiểm tra định kỳ và đột xuất về công tác cải cách hành chính. Thường xuyên sơ kết, tổng kết rút kinh nghiệm, nhất là tổng kết các mô hình, nhân rộng các điển hình, biểu dương những tập thể, cá nhân làm tốt và phê phán, chỉ rõ những nơi có thái độ tiêu cực, những thiếu sót. Phát huy vai trò phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc, vai trò giám sát của Hội đồng nhân dân, các đoàn thể và Nhân dân đối với việc thực hiện công tác cải cách hành chính tại cơ quan, đơn vị, địa phương. Đưa nội dung cải cách hành chính vào tiêu chí xét thi đua, đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ gắn với khen thưởng, kỷ luật.

4. Cải cách tổ chức bộ máy

Tiếp tục đổi mới sắp xếp, tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, giảm bớt đầu mối, nhất là khẩn trương sắp xếp Trung tâm Phục vụ Hành chính công, Văn phòng Phát triển kinh tế, Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại, Trung tâm Thông tin và Xúc tiến du lịch. Tăng cường xã hội hóa, tăng nguồn thu đối với các đơn vị sự nghiệp công lập, nhất là tại các địa bàn có điều kiện kinh tế-xã hội để tăng số lượng người làm việc từ nguồn thu sự nghiệp, giảm áp lực biên chế nhà nước. Kiên quyết chuyển sang cơ chế tự đảm bảo toàn bộ chi thường xuyên đối với những đơn vị sự nghiệp đảm bảo đủ điều kiện.

5. Cải cách chế độ công vụ

5.1. Chú trọng xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có cơ cấu hợp lý, đáp ứng tiêu chuẩn chức danh, vị trí việc làm và khung năng lực theo quy định; xem đây là khâu đột phá quan trọng nhất của công tác cải cách hành chính, là nhiệm vụ then chốt để vận hành, thúc đẩy các trục nội dung còn lại trong công tác cải cách hành chính. Đổi mới phương pháp, quy trình đánh giá cán bộ, công chức gắn với công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, bổ nhiệm cán bộ. Đổi mới công tác tuyển dụng, công tác bố trí cán bộ theo hướng chất lượng, nâng cao tính cạnh tranh, dân chủ, công khai, minh bạch.

5.2. Tăng cường công tác kiểm tra chấn chỉnh kỷ luật, kỷ cương hành chính tại các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh; góp phần nâng cao tinh thần trách nhiệm và chất lượng thực thi công vụ của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, nhất là trách nhiệm của người đứng đầu.

6. Cải cách tài chính công

Đổi mới mạnh mẽ cơ chế phân bổ, sử dụng ngân sách nhà nước cho cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập gắn với nhiệm vụ được giao và sản phẩm đầu ra, nhằm nâng cao tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm và thúc đẩy sự sáng tạo; nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động; kiểm soát tham nhũng, tiêu cực tại các cơ quan, đơn vị.

7. Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số

7.1. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số và ứng dụng các tiến bộ khoa học, công nghệ thúc đẩy hoàn thành xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số, góp phần đổi mới phương thức làm việc, nâng cao năng suất, hiệu quả hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước các cấp có đủ năng lực vận hành nền kinh tế số, xã hội số đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế-xã hội,

quốc phòng, an ninh và hội nhập quốc tế; nâng chất lượng cung cấp dịch vụ công cho người dân, tổ chức.

7.2. Nâng cao vai trò, trách nhiệm của thủ trưởng các đơn vị trong chỉ đạo, triển khai thực hiện các yêu cầu trong việc áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo TCVN ISO 9001-2015; tuyên truyền, phổ biến về Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001-2015 theo mô hình khung trên các phương tiện thông tin đại chúng để cán bộ, công chức, viên chức và các tổ chức, cá nhân thực sự hiểu sâu, rộng về hệ thống quản lý chất lượng.

Điều 3. Các giải pháp thực hiện

1. Tăng cường công tác giáo dục, nâng cao nhận thức về công tác cải cách hành chính, làm tốt công tác thông tin tuyên truyền, quán triệt đến toàn thể cán bộ, công chức, viên chức và Nhân dân các chương trình, kế hoạch, nội dung cải cách hành chính, tạo điều kiện để mọi người tham gia xây dựng, thực hiện và giám sát việc thực hiện.

2. Xác định rõ trách nhiệm của các cơ quan thường trực trong việc phụ trách từng nội dung trong công tác cải cách hành chính của tỉnh; trách nhiệm của người đứng đầu các cơ quan hành chính Nhà nước trong việc thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính tại cơ quan, đơn vị, địa phương; phân định rõ trách nhiệm giữa tập thể và cá nhân, đưa công tác cải cách hành chính thành một trong những nhiệm vụ trọng tâm, thường xuyên của các cấp, các ngành và địa phương. Gắn kết quả thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính với tiêu chí bình xét thi đua-khen thưởng hàng năm đối với các cơ quan, đơn vị, địa phương.

3. Tăng cường sự phối hợp giữa các cơ quan trong hệ thống các cơ quan quản lý Nhà nước, quy định rõ trách nhiệm của cơ quan chủ trì phối hợp thông qua việc ban hành các quy định, quy chế phối hợp để thực hiện nhiệm vụ.

4. Tăng cường công tác theo dõi, đánh giá, lấy ý kiến nhận xét, phản hồi của người dân, tổ chức, doanh nghiệp về kết quả cải cách hành chính của các cơ quan, đơn vị, địa phương

5. Hàng năm, bố trí đủ nguồn lực để tổ chức thực hiện có hiệu quả các nội dung trong Chương trình tổng thể cải cách hành chính Nhà nước tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2021 - 2025.

6. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát kết quả thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính. Làm tốt công tác sơ, tổng kết và nhân rộng các điển hình tiên tiến.

7. Nghiên cứu, học hỏi, áp dụng thí điểm những mô hình mới, những cách làm hay trong công tác cải cách hành chính của các tỉnh, thành phố; nhân rộng những mô hình, cách làm hiệu quả của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh.

Điều 4. Thời gian và kinh phí thực hiện

1. Thời gian thực hiện: Kể từ ngày Nghị quyết có hiệu lực đến ngày 31 tháng 12 năm 2025.

2. Kinh phí thực hiện: Được bố trí trong dự toán hàng năm của các cơ quan, đơn vị, địa phương và thực hiện thanh quyết toán theo quy định hiện hành.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh căn cứ nhiệm vụ, quyền hạn triển khai thực hiện Nghị quyết theo quy định pháp luật.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Thuận Khóa XI Kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 20 tháng 7 năm 2022./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Ban Công tác đại biểu - UBTWQH;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Nội vụ;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Ban Thường trực UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn Đại biểu quốc hội tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh khóa XI;
- Sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- VP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND, UBND tỉnh;
- Thường trực HĐND và UBND các huyện, TP;
- Trung tâm CNTT và Truyền thông tỉnh;
- Trang Thông tin điện tử HĐND tỉnh;
- Lưu: VT, phòng công tác HĐND.

CHỦ TỊCH

Phạm Văn Hậu